

KẾT QUẢ XÉT DUYỆT SAU THI LẠI NĂM HỌC 2018-2019

Khối: 11

STT	Họ và tên	LỚP	SBD	KẾT QUẢ HỌC TẬP TRƯỚC KHI THI LẠI														Môn đăng ký thi lại	KẾT QUẢ HỌC TẬP SAU KHI THI LẠI														Xét duyệt				
				Toán	Lí	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	Anh	CD	CN	TD	QP	Xếp loại			Toán	Lí	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Su	Địa	Anh	CD	CN	TD	QP		Xếp loại			
																	TBcm		HL															HK	TBcm	HL	HK
1	Hà Thanh Hòa	11A2	037	4.2	3.9	4.2	6.2	6	3.3	5.4	6.6	6.2	5.6	7	Đ	7.4	5.5	Y	Khá	V	4.2	3.9	4.2	6.2	6	6	5.4	6.6	6.2	5.6	7	Đ	7.4	5.7	TB	Khá	Lên lớp
2	Nguyễn Thị Ngọc Phương	11A2	048	4.8	4	3.2	8.1	5.9	5.2	7.6	7.5	4.4	6.4	7.2	Đ	7.3	6	Y	Khá	H	4.8	4	4	8.1	5.9	5.2	7.6	7.5	4.4	6.4	7.2	Đ	7.3	6	TB	Khá	Lên lớp
3	Tô Nguyễn Thành Đạt	11A3	036	3.4	3.6	2.8	5.2	5.3	5.6	7.9	4.8	4.2	7	7.2	Đ	7.1	5.3	Y	Khá	H T	3	3.6	3.5	5.2	5.3	5.6	7.9	4.8	4.2	7	7.2	Đ	7.1	5.4	Yếu	Khá	Ở lại lớp
4	Lư Quốc Bảo	11A4	033	4.5	3.3	4	6.2	4.2	5.7	5.7	4.1	5.9	4.3	6.3	Đ	8.1	5.2	Y	Khá	L	4.5	5.5	4	6.2	4.2	5.7	5.7	4.1	5.9	4.3	6.3	Đ	8.1	5.4	TB	Khá	Lên lớp
5	Trần Mai Anh Minh	11A4	044	3.9	3.4	3.5	6.4	4.3	6.7	3.9	3.8	6.5	5	6.7	Đ	6.2	5	Y	TB	L	3.9	2	3.5	6.4	4.3	6.7	3.9	3.8	6.5	5	6.7	Đ	6.2	4.9	Yếu	TB	Ở lại lớp
6	Đỗ Nguyễn Lê Minh	11A5	043	3.2	3.4	4.2	5	4.8	4.9	6.4	6.1	4.5	5.5	6.5	Đ	8.4	5.2	Y	Khá	T L V	0	0	4.2	5	4.8	0	6.4	6.1	4.5	5.5	6.5	Đ	8.4	4.3	Kém	Khá	Ở lại lớp
7	Lâm Thuý Nga	11A5	045	3.4	3.8	3.9	6.3	3.9	6.4	5.4	4.9	5.9	6.3	5.6	Đ	7.4	5.3	Y	Khá	T	2	3.8	3.9	6.3	3.9	6.4	5.4	4.9	5.9	6.3	5.6	Đ	7.4	5.2	Yếu	Khá	Ở lại lớp
8	Hồ Tá Hoàng	11A6	038	3.4	3.9	3.4	4.8	7	4.4	4.2	3.9	4.2	5.9	7.1	Đ	7.9	5	Y	TB	T H	2.8	3.9	4	4.8	7	4.4	4.2	3.9	4.2	5.9	7.1	Đ	7.9	5	Yếu	TB	Ở lại lớp
9	Huỳnh Quang Huy	11A6	039	6.1	5.2	3.5	3.1	6.1	5	6.2	6.1	4.1	5.4	6.5	Đ	7.9	5.4	Y	TB	Si	6.1	5.2	3.5	5	6.1	5	6.2	6.1	4.1	5.4	6.5	Đ	7.9	5.6	TB	TB	Lên lớp
10	Nguyễn Thị Thuý Linh	11A6	041	3.4	4.1	4.1	4.5	7	6.3	4.3	5.6	3.9	7.4	6.6	Đ	7.2	5.4	Y	Khá	T	5.3	4.1	4.1	4.5	7	6.3	4.3	5.6	3.9	7.4	6.6	Đ	7.2	5.5	TB	Khá	Lên lớp
11	Cao Quốc Thái	11A6	049	3.4	4	3.2	4.3	5.7	5.5	5.9	3.3	4.6	5.5	5.3	Đ	7.3	4.8	Y	TB	T H Di	4.3	4	4.8	4.3	5.7	5.5	5.9	5.3	4.6	5.5	5.3	Đ	7.3	5.2	TB	TB	Lên lớp
12	Phạm Công Minh	11A7		4.4	3.2	4.1	2.8	5.8	4.1	2.6	3.6	5	3.8	6.1	Đ	7.4	4.4	Y	Khá	Không đăng kí	4.4	3.2	4.1	2.8	5.8	4.1	2.6	3.6	5	3.8	6.1	Đ	7.4	4.4	Yếu	Khá	Ở lại lớp
13	Trần Hồng Phúc	11A8	047	2.6	3.3	2.6	4.9	6.2	6.7	5.6	3.9	5.5	5.2	5.7	Đ	8.1	5	Y	TB	T L H	3.8	4.5	4	4.9	6.2	6.7	5.6	3.9	5.5	5.2	5.7	Đ	8.1	5.3	TB	TB	Lên lớp
14	Phan Hùng Phát	11A9	046	3.3	5	4.8	5.4	6.6	5.2	4.9	6.4	5	5.5	5.7	Đ	7.6	5.5	Y	Khá	T	3	5	4.8	5.4	6.6	5.2	4.9	6.4	5	5.5	5.7	Đ	7.6	5.4	Yếu	Khá	Ở lại lớp
15	Trần Thị Thanh Thúy	11A9		3.2	4.3	4	5.8	6.4	6.8	5.9	5.5	3.4	5.5	6	Đ	7.5	5.4	Y	Khá	Không đăng kí	3.2	4.3	4	5.8	6.4	6.8	5.9	5.5	3.4	5.5	6	Đ	7.5	5.4	Yếu	Khá	Ở lại lớp
16	Lê Hùng Cường	11A10	034	4.9	4.8	5.6	4.5	3.8	4.9	6.8	5.7	4.7	5.6	7.4	Đ	7.4	5.5	Y	TB	V	4.9	4.8	5.6	4.5	3.8	6.8	6.8	5.7	4.7	5.6	7.4	Đ	7.4	5.7	TB	TB	Lên lớp
17	Phạm Tấn Dũng	11A10	035	2.6	4.7	4.3	5.7	5	5.6	7.1	6	3.6	5.7	7	Đ	8.4	5.5	Y	TB	T	2.5	4.7	4.3	5.7	5	5.6	7.1	6	3.6	5.7	7	Đ	8.4	5.5	Yếu	TB	Ở lại lớp
18	Phạm Nguyễn Đăng Khoa	11A10	040	2.4	3.1	4	5.9	5.7	4.3	5.6	6	4.2	5.6	5.8	Đ	8.4	5.1	Y	TB	T L V	1.3	4	4	5.9	5.7	4.3	5.6	6	4.2	5.6	5.8	Đ	8.4	5.1	Kém	TB	Ở lại lớp
19	Nguyễn Hoàng Phi Long	11A10	042	3.4	5.8	5.8	5.6	5.6	5.2	8.2	7.9	4.4	6	7.1	Đ	8	6.1	Y	TB	T	3.5	5.8	5.8	5.6	5.6	5.2	8.2	7.9	4.4	6	7.1	Đ	8	6.1	TB	TB	Lên lớp
20	Võ Long Thịnh	11A10	050	3.6	4	4.5	4.9	4	4.9	5.6	3.9	5	5.1	6.6	Đ	7.7	5	Y	Khá	V	3.6	4	4.5	4.9	4	5.3	5.6	3.9	5	5.1	6.6	Đ	7.7	5	TB	Khá	Lên lớp
21	Nguyễn Nhật Tiến	11A10	051	4.8	5	3.2	4.7	5.8	5.9	6.2	5.4	5.9	5.8	6.6	Đ	7.8	5.6	Y	Khá	H	4.8	5	7.3	4.7	5.8	5.9	6.2	5.4	5.9	5.8	6.6	Đ	7.8	5.9	TB	Khá	Lên lớp

Kết quả có: 11 học sinh được lên lớp và 10 học sinh ở lại lớp